TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. QUY NHƠN - T. BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 292/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 4 - 2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Long

2. Ông Lý Chiêu Hòa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- ***Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Hoàng Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Diễm H - Sinh năm: 1972
- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Hữu B - Sinh năm: 1970

Cùng địa chỉ: Tổ 19, KV4, Phường HC, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

(*chị H có mặt, anh B vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2018 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị Diễm H trình bày*:**

Chị và anh Nguyễn Hữu B tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường HC, thành phố QN, tỉnh Bình Định vào ngày 24/7/2014. Trước khi kết hôn, anh B đã lấy vợ và chị đã lấy chồng nhưng đều đã ly hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B thường xuyên ăn nhậu, có lời nói xúc phạm chị, ghen tuông vô cớ, có lần anh B còn hành hung chị. Chị và gia đình đã khuyên can nhưng anh B vẫn không thay đổi. Ngoài ra, anh B còn làm ăn thua lỗ, dẫn đến nợ nần, khi làm ăn không có bàn bạc với chị. Cuộc sống vợ chồng nặng nề, gây mất niềm tin. Nay

chị nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung, chị và anh B có 01 con chung tên Nguyễn Hữu P, sinh ngày 27/8/2014. Hiện nay cháu P đang sống với chị, sức khỏe tốt. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết. Vợ chồng không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng.

**** Bị đơn anh Nguyễn Hữu B*:**

Tại phiên tòa hôm nay, anh B vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, theo biên bản lấy lời khai của đương sự khai ngày 23/01/2019, anh B công nhận thời gian tìm hiểu và điều kiện kết hôn như chị H đã trình bày. Theo anh, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đôi lúc vợ chồng có bất đồng nhưng tự khắc phục được. Vì vậy, Chị H có đơn xin ly hôn anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị H. Trong quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung như chị H trình bày, nếu ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu P; anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố QN, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ 2014: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Diễm H về việc xin ly hôn anh Nguyễn Hữu B và nuôi dưỡng con chung; Chị H phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hữu B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nội dung tranh chấp của các đương sự, HĐXX xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" (khoản 1 Điều 28 BLTTDS), thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. QN (điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Diễm H và anh Nguyễn Hữu B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường HC, thành phố QN, tỉnh Bình Định vào ngày 24/7/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh B đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do anh B thường xuyên ăn nhậu, ghen tuông vô cớ và có lời nói xúc phạm chị H. Điều này cũng được anh B thừa nhận và phù hợp với biên bản xác minh ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân thành phố QN. Mặc dù, anh B không đồng ý ly hôn, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh B không đến Tòa để hòa giải. Điều này chứng tỏ anh B không có thiện chí muốn hòa hợp. Đây cũng là trường hợp bị đơn cố tình lẫn tránh, gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. HĐXX xét: Hôn nhân của chị H, anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 27/8/2014. HĐXX xét: Các đương sự đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, hiện nay cháu P đang sống với chị H và được đảm bảo tốt về mọi mặt. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận nguyện vọng của chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu P. Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Chị H phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Diễm H ly hôn anh Nguyễn Hữu B.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 27/8/2014 cho chị Trần Thị Diễm H được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị Trần Thị Diễm H không yêu cầu anh Nguyễn Hữu B cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Chị H, anh B không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Diễm H phải chịu 300.000đ án phí, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000846 ngày 03/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QN. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. QN;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- UBND P. HC, TP. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Huy Huệ